

NĂM 1997

Tháng 1:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO ĐẠI TƯ ĐẬP BÁI THƯỢNG VÀ HỆ THỐNG THỦY NÔNG SÔNG CHU

Đập Bái Thượng và hệ thống thủy nông sông Chu được xây dựng vào đầu thế kỷ XX, là công trình thủy lợi lớn nhất của tỉnh, cung cấp nước tưới cho trên 50.000ha ruộng đất của các huyện Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Nông Cống, Triệu Sơn, Đông Sơn, Quảng Xương và thành phố Thanh Hoá. Do công trình có tuổi thọ lớn và trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, bom đạn địch phá hoại công trình đầu mối và nhiều nơi trên tuyến các kênh lớn dẫn nước bị hư hỏng nặng. Nhiều lần sửa chữa và nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Chu vẫn hoạt động nhưng hư hại và xuống cấp ngày càng trầm trọng, nhất là đập Bái Thượng. Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh, ngành Thủy lợi đề nghị Chính phủ và Bộ Thủy lợi đầu tư kinh phí đại tu đập Bái Thượng và hệ thống thủy nông sông Chu. Năm 1994, Chính phủ phê duyệt dự án đại tu công trình thủy lợi đập Bái Thượng và hệ thống thủy nông sông Chu, gồm các hạng mục công trình:

1. Công trình đầu mối đập Bái Thượng gồm đập tràn, cống xả cát, cống lấy nước, âu thuyền, tường chuyển tiếp, cửa van và thiết bị đóng mở.

2. Hệ thống kênh và công trình trên kênh gồm: Kênh chính dài 19km, kênh Bắc dài 54km, kênh Nam dài 27,543km, 61 kênh cấp II dài 230km, kênh cấp III dài 320km, 307 công trình trên kênh chính, kênh Bắc, kênh Nam và 960 công trình trên kênh cấp II, kênh cấp III.

3. Tổng kinh phí đầu tư 281.413.473.000 đồng.

4. Thời gian thực hiện 1994 đến 1998, chủ đầu tư là Bộ Thủy lợi (nay là Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn).

Tỉnh Thanh Hoá có trách nhiệm phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, huy động dân công để góp phần sửa chữa, khôi phục hệ thống thủy nông sông Chu.

Được Chính phủ giao nhiệm vụ, UBND tỉnh ra Quyết định (số 1561 NN/UBND) thành lập Ban Chỉ đạo dự án khôi phục hệ thống thủy nông sông Chu do Giám đốc Sở Thủy lợi Thanh Hoá làm Trưởng ban có sự tham gia của các ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện được hệ thống thủy nông sông Chu cung cấp nước.

Do điều kiện kinh phí khó khăn. Đến tháng 01-1997, mới tiến hành đại tu đập Bái Thượng, công trình đầu mối của hệ thống thủy nông, thời gian hoàn thành vào ngày 30-6-1999. Lực lượng thi công chủ yếu bằng cơ giới có lao động thủ công phụ trợ. Toàn bộ công trình xây dựng theo tiêu chuẩn ASTM và ACT của Mỹ do các nhà thầu Trung Quốc đảm nhận (Công ty quốc tế Thủy lợi - Thủy điện Bắc Kinh).

Ngày 23-02:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO THÀNH LẬP CÔNG TY MAY VIỆT THANH THU HÚT LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Để giải quyết việc làm cho lao động xã hội và tăng thêm nguồn thu nhập ngoại tệ. Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh và sở Thương mại thành lập Công ty may xuất khẩu. Công ty may xuất khẩu Việt Thanh có nguồn gốc là Xí nghiệp may Thanh Hà được thành lập vào tháng 01/1996 với quy mô 250 công nhân.

Tháng 04-1997, hợp tác với Công ty may Đức Giang (Hà Nội) xây dựng thêm một xưởng sản xuất có quy mô 300 công nhân. Ngày 23-12-1997, khánh thành xưởng sản xuất mới và thành lập Liên doanh may xuất khẩu Việt Thanh. Năm 1999 xây dựng thêm phân xưởng thứ 3 nâng tổng số lên 800 công nhân. Năm 2001 cải tạo hoàn thiện nhà máy

nâng tổng số lên 1.000 công nhân với tổng diện tích 12.600m², trong đó có 7.000m² nhà xưởng và kho tàng, 700 máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ của Đức, Mỹ, Đài Loan. Hiện nay tổ chức thành 2 xí nghiệp sản xuất và một trung tâm đào tạo công nhân kỹ thuật, vừa sản xuất vừa tìm kiếm mô hình sản xuất phù hợp đáp ứng yêu cầu thị trường.

Ngày 30-6:

ĐẢNG ỦY, GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP GẠCH TUY NEL TRƯỜNG LÂM LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Xí nghiệp gạch Tuy nel được xây dựng tại xã Tân Trường (Tĩnh Gia), khởi công vào năm 1996, khánh thành sản xuất vào năm 1997, giai đoạn đầu đạt công suất 7 triệu viên/năm do Công ty Xây dựng I đầu tư quản lý.

Với quyết tâm mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất chất lượng sản phẩm, Giám đốc và Đảng uỷ xí nghiệp đề ra các giải pháp vay vốn, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý nên sản xuất của Xí nghiệp không ngừng phát triển mở rộng.

Ngày 30-6-1997, được ban Giám đốc Công ty Xây dựng I cho phép mở rộng quy mô sản xuất giai đoạn 2, đưa công suất của Xí nghiệp gạch Tuy nel Trường Lâm lên 25 triệu viên/năm.

Tuy tuổi đời còn trẻ nhưng chất lượng sản phẩm tốt, bốn năm liên được Bộ Xây dựng công nhận là Xí nghiệp có sản phẩm đạt chất lượng cao và được tặng thưởng Huy chương Vàng. Hàng hoá của Xí nghiệp sản xuất đến đâu được tiêu thụ đến đó. Nhiều năm Xí nghiệp không đủ sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, Vì yêu cầu của khách hàng quá lớn, năm 2001 Xí nghiệp được mở rộng quy mô sản xuất, đưa công suất lên 50 triệu viên/năm và đưa vào sử dụng trong năm 2002.

Do không ngừng đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ nên doanh số của Xí nghiệp và tiền lương bình quân hàng tháng của công nhân luôn luôn

tăng, Xí nghiệp hoàn thành xuất sắc toàn ngành, được UBND tỉnh nhiều năm liên tục tặng Bằng khen. Điều đó được minh chứng:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	1998	1999	2000	2001
Hiện vật	1.000v	3.600	7.000	9.200	11.500	14.140
Doanh thu	1 tr đ	1.080	2.100	2.840	3.450	4.150
SL Công nhân	Người	80 người				160 người
Lương bình quân	Tháng	350.000đ	420.000đ	510.00đ	600.000đ	650.000đ

Ngày 19-7:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO BẦU CỬ QUỐC HỘI KHÓA X Ở KHU VỰC THANH HÓA

Đảm bảo cho bầu cử Quốc hội khoá X đúng Luật và thành công, Tỉnh uỷ chỉ đạo các ngành, các cấp chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho cuộc bầu cử Quốc hội khoá X đúng vào ngày 19-7-1997.

Đoàn Đại biểu Quốc hội khoá X của Thanh Hoá được 17 đại biểu. Trong đó, đại biểu đang công tác tại Thanh Hoá là 14 vị (nữ 4, dân tộc ít người 3 vị), do ông Mai Xuân Minh làm Trưởng đoàn.

17 vị Đại biểu Quốc hội khoá X Đoàn Thanh Hoá gồm:

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 1. Nguyễn Thanh Chương | 10. Nguyễn Thị Phương |
| 2. Lê Văn Diêu | 11. Trần Thị Phương |
| 3. Lê Viết Dực | 12. Vũ Quốc Quế |
| 4. Lê Ngọc Hoàn | 13. Lê Văn Tam |
| 5. Nguyễn Thị Hường | 14. Bùi Ngọc Thanh |
| 6. Lò Khâm Mao | 15. Trịnh Xuân Thu |
| 7. Mai Xuân Minh | 16. Nguyễn Văn Tri |
| 8. Lê Thị Nga | 17. Vũ Đức Tú |
| 9. Lê Khả Phiêu | |

Sau khi ông Mai Xuân Minh từ trần, ông Trịnh Xuân Thu làm Trưởng đoàn.

Tháng 8:

CỦNG CỐ HỆ THỐNG TỔ CHỨC - THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO

Cơ quan làm công tác tôn giáo của Chính quyền cách mạng được hình thành từ năm 1950 - có thời kỳ thuộc Ty Công an, có thời kỳ thuộc Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Căn cứ vào tình hình và yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới, ngày 17-5-1985, UBND tỉnh Quyết định (số 450-QĐ/TCCQ) thành lập Ban Tôn giáo, cử đồng chí Phó Chủ tịch văn xã phụ trách, cử một đồng chí Phó ban Dân vận Tỉnh uỷ làm Trưởng ban Tôn giáo.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của công cuộc đổi mới, ngày 20-8-1997, UBND tỉnh Thanh Hoá Quyết định (số 1806-QĐ/UB) kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác tôn giáo nhằm tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về các hoạt động tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh chỉ rõ:

Chuyển Ban Tôn giáo đang sinh hoạt tại Ban Dân vận Tỉnh uỷ sang hoạt động độc lập, cử đồng chí Nguyễn Kế Quang làm Trưởng ban và tăng cường một số cán bộ giúp việc, sau đó bổ sung đồng chí Bùi Hải Vinh làm Phó ban.

Thành lập Ban Tôn giáo các huyện: Tĩnh Gia, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc và thành phố Thanh Hoá... do đồng chí Phó Chủ tịch huyện, thành phố là Trưởng ban, các huyện, thị có đồng bào tôn giáo thì Văn phòng UBND huyện, thị giúp Chủ tịch thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác tôn giáo trên địa bàn.

Sau khi được củng cố lại tổ chức, Ban Tôn giáo UBND tỉnh đã thực hiện xuất sắc chức năng, nhiệm vụ, cụ thể là: Tham mưu cho Tỉnh uỷ,

UBND tỉnh đề ra các chủ trương giải pháp thực hiện tốt Nghị định 26/CP của Chính phủ và các chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác tôn giáo.

Phối hợp chặt chẽ với hệ thống chính trị các cấp, các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức, chỉ đạo đồng bào các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương “tốt đời, đẹp đạo”, “yêu nước, kính chúa”; tổ chức các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ luật pháp; ngăn chặn kịp thời âm mưu lợi dụng tôn giáo phá hoại sự nghiệp cách mạng của các thế lực thù địch.

Tiến hành rà soát, tăng cường, củng cố bộ máy làm công tác tôn giáo, đồng thời nghiên cứu biên soạn giáo trình mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ làm công tác tôn giáo cho cán bộ cơ sở.

Nhờ đó, đồng bào các tôn giáo trong tỉnh phấn khởi tin tưởng ra sức thi đua sản xuất, xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, tích cực xây dựng nền văn hoá mới trong khu chung cư, bài trừ các hủ tục lạc hậu, góp phần củng cố an ninh chính trị, trật tự xã hội, đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ngày 24-9:

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY CHỈ THỊ VỀ CÔNG TÁC
SƯU TẦM, BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THANH HÓA
GIAI ĐOẠN 1975 - 2000**

Để góp phần giáo dục, phát huy truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên quê hương, đất nước, ngày 24-9-1997, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 09 CT/TU về việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ Thanh Hoá giai đoạn 1975 - 2000.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quy định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể như sau:

I. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chịu trách nhiệm sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1975 - 2000. Phối hợp với

các cấp, các ngành, các đoàn thể chỉ đạo việc sưu tầm tư liệu cung cấp cho việc biên soạn cuốn lịch sử này để đảm bảo tính chính xác, khoa học.

2. Các ngành, các cấp, các đoàn thể có trách nhiệm chỉ đạo sưu tầm, tổng hợp tư liệu của ngành mình, địa phương vừa làm cơ sở biên soạn lịch sử của ngành, của địa phương vừa có tư liệu cung cấp cho cuốn Lịch sử của tỉnh giai đoạn 1975 - 2000.

Ban Cán sự UBND, Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh uỷ, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường và Ban Cán sự Đảng các ngành có liên quan tạo mọi điều kiện cần thiết để việc biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh hoàn thành đúng thời gian quy định.

Ngày 24-9:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Thanh Hoá là một tỉnh lớn, đông dân, có nhu cầu bức xúc về đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh trình Chính phủ cho phép thành lập Trường Đại học Hồng Đức.

Thực theo nguyện vọng của nhân dân Thanh Hoá, dựa vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngày 24-9-1997, Thủ tướng Chính phủ Quyết định (số 797/TTg) thành lập Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở 3 trường: Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật, Cao đẳng Y tế. PTS Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Cao Danh Đăng được cử làm Hiệu trưởng.

Với tính chất là trường công lập, đào tạo đa ngành, đa cấp trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá, chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục - Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ trình độ đại học và dưới đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh. Nghiên cứu ứng

dụng khoa học và công nghệ phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hoá và khoa học công nghệ, chuẩn bị các điều kiện để tiến tới đào tạo cán bộ sau đại học. Trường quản lý theo mô hình 3 cấp: Cấp trường, cấp khoa và cấp bộ môn. Hình thức đào tạo của trường là tập trung và không tập trung.

Năm đầu thành lập tổng số cán bộ công nhân viên trong trường có 771 người với 497 giảng viên, trong đó có 17 phó Giáo sư, Phó Tiến sỹ và tương đương, 102 thạc sỹ và tương đương, có 9.875 sinh viên. Trong đó hệ chính quy: 6.161 người, hệ tại chức 3.714 người.

Trường có tổ chức Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Công đoàn. Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Tỉnh uỷ với tổng số 404 đảng viên sinh hoạt ở 26 chi bộ. Công đoàn trường trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, có 771 đoàn viên, sinh hoạt ở 26 tổ chức công đoàn bộ phận. Đoàn Trường trực thuộc Tỉnh đoàn có gần 6.000 đoàn viên, sinh hoạt ở 112 chi đoàn thuộc 11 liên chi.

Nhà trường có quan hệ với các trường đại học trong nước, với một số tổ chức quốc tế như: tổ chức ProjectTrust (Vương quốc Anh), HVO (Mỹ), Si Da (Thụy Điển), Trường Đại học Cô Lum Ba và Lan Sin (Mỹ), tổ chức phát triển quốc tế của Ca Na Đa (CIDA). Nhà trường còn giúp tỉnh Hủa Phăn nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào đào tạo sinh viên học tiếng Anh và tiếng Việt.

Tháng 12:

**TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN THANH HÓA**

Thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục tiểu học của Đảng, ngành Giáo dục Thanh Hoá dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp sắc bén:

- Mở rộng phạm vi xã hội hoá công tác phổ cập - xoá mù chữ.
- Đầu tư cơ sở vật chất - huy động các nguồn tài chính khác nhau xây dựng quỹ phổ cập.
- Đưa lớp đầu cấp tiểu học về gần dân, xây dựng nhiều loại chương trình phù hợp, xây dựng lớp ghép.
- Đảm bảo tỷ lệ giáo viên để có lực lượng làm phổ cập.
- Tăng cường các biện pháp quản lý, biện pháp nghiệp vụ.
- Thành lập lực lượng “đặc nhiệm” xung kích ở vùng khó khăn.
- Thí nghiệm mô hình giáo dục gắn với cộng đồng, làng bản.

Do sự nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các biện pháp trên, tháng 12-1997 Thanh Hoá đã được công nhận là tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học trước kế hoạch một năm. Riêng các huyện Quan Sơn, Mường Lát là hai huyện ở vùng sâu vùng xa, lại mới được thành lập nên có nhiều khó khăn nhưng cũng đã nỗ lực phấn đấu đạt chuẩn vào tháng 12-1998. Đến tháng 12-1999, 4 xã khó khăn cuối cùng của tỉnh cũng đạt chuẩn, đưa 100% số xã, phường trong toàn tỉnh đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học. Cũng trong thời gian này (12-1999) trong tỉnh đã có 1/3 số xã, phường phấn đấu đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

HUYỆN ỦY THIỆU HOÁ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ SAU KHI TÁCH HUYỆN

Huyện Thiệu Hoá ra đời trên cơ sở tách ra 15 xã huyện Thiệu Yên sáp nhập với 16 xã của huyện Đông Sơn theo Nghị định 72/CP của Chính phủ ngày 18-11-1996. Thiệu Hoá có 31 xã, diện tích tự nhiên 17.344,50ha và 198.313 nhân khẩu. Huyện lỵ đóng tại Vạn Hà.

Là một huyện thuần nông nằm ở vùng trọng điểm lúa, để phát triển kinh tế, Huyện uỷ đã tập trung giải quyết 2 vấn đề tồn đọng cơ bản: Chuyển đổi HTX kiểu cũ sang các loại hình HTX mới và tiến hành đổi điền đồn thửa. Huyện uỷ đã đầu tư trí tuệ, công sức, thời gian ra Nghị quyết 02A/NQ-HU về chuyển đổi HTX kiểu cũ sang HTX kiểu

mới và Nghị quyết 02B/NQ-HU về đổi điền dồn thửa, đồng thời tập trung chỉ đạo nhân dân huyện nhà thực hiện các nghị quyết nói trên. Nhờ đó kinh tế Thiệu Hoá đã phát triển toàn diện. Điều đó được minh chứng:

Sau 3 năm (1997 - 2000) hầu hết các chỉ tiêu kinh tế Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV (1997) đạt và vượt. Diện tích gieo trồng 23.025ha (1997), 23.725ha (1998) và 24.914ha (1999); năng suất lúa bình quân cả năm trên 95 tạ/ha (1997 - 1998) và 100 tạ/ha (1999); sản lượng lương thực quy thóc 96.470 tấn (1997), 102.083 tấn (1998) và 110.000 tấn (1999); bình quân lương thực theo đầu người 490kg (1997), 517kg (1998) và 547kg (1999).

Riêng sản xuất vụ đông: Năm 1997 tổng diện tích 3.970ha, trong đó diện tích ngô chiếm 2.800ha; năm 1998 là 4.270ha, trong đó diện tích ngô 3.200ha; năm 1999 là 4.500ha, trong đó diện tích ngô 3.500ha và có 300ha ngô trên đất hai lúa.

Chăn nuôi được duy trì và phát triển theo hướng tăng đàn bò cày kéo kiêm lấy thịt, giảm đàn trâu cho phù hợp với huyện là vùng thuần nông. UBND huyện đã có giải pháp để chương trình bò lai sin được tiếp tục thực hiện và đạt kết quả. Đã có trên 400 con bê lai. Đàn trâu từ 5.600 con giảm xuống còn 3.600 con; đàn bò từ 11.100 con tăng gần 12.000 con; đàn lợn từ 62.000 con lên gần 70.000 con. Phong trào nuôi vịt, ngan, ngỗng, gà công nghiệp, gà siêu trứng, cải tạo ao nuôi cá phát triển. Các hoạt động quản lý thú y tốt hơn, dịch bệnh được ngăn chặn kịp thời.

Ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tuy còn nhiều khó khăn về thị trường, cơ chế, kỹ thuật nhưng vẫn tiếp tục tăng trưởng, tập trung một số ngành nghề như đan lát, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản và vận tải. Giá trị sản lượng năm 1997 đạt 32 tỷ đồng, năm 1998 đạt 33,6 tỷ đồng, năm 1999 đạt trên 36 tỷ đồng. Song, ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển còn chậm.

Huyện uỷ, UBND huyện đã ban hành nhiều chỉ thị và đấu mối với cấp trên, với các ngành thực thi nhiều dự án đạt kết quả tốt. Đến

năm 1999 đã hoàn thành được nhiều công trình đưa vào sử dụng như: Trạm bơm tiêu úng Thiệu Thịnh, trạm bơm tưới Thiệu Duy, Thiệu Châu, kè lát đê Thiệu Dương, Thiệu Vận, Thiệu Vũ; kè lát theo dự án ADB, kênh Bắc, B9, B10... thực hiện tốt. Trong 3 năm (1997 - 1999) đã kiên cố hoá hàng chục km kênh mương. Hoàn thành các tuyến đường liên xã, 21 nhà Bưu điện văn hoá xã, 28 trạm xá xã và chương trình điện sáng cho khu Đồng Cách.

Hoạt động tài chính và ngân hàng ngày càng tốt. Tổng thu năm 1997 đạt 7,6 tỷ đồng, 1998 đạt 8,2 tỷ đồng, 1999 đạt 8,9 tỷ đồng tăng 22% kế hoạch tỉnh giao. (Các khoản thu được quy định theo Hướng dẫn 19 của UBND huyện). Ngân hàng huyện hướng mạnh vào đầu tư xoá đói giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhân dân, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị hoạt động tốt.

HUYỆN ỦY YÊN ĐỊNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI SAU NGÀY TÁCH HUYỆN

Theo Nghị định số 72/CP của Chính phủ ra ngày 18-11-1996, huyện Yên Định được thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Thiệu Yên. Huyện Yên Định có 29 xã, thị trấn; diện tích tự nhiên 21.024,14ha và 170.826 nhân khẩu. Huyện lỵ đóng ở Quán Lào (xã Định Tường) nay là Thị trấn Quán Lào.

Sau 3 năm tách huyện, Huyện uỷ đã chỉ đạo Đảng bộ và nhân dân Yên Định tích cực phấn đấu gạt hái những thành tựu kinh tế, văn hoá, xã hội to lớn.

Về kinh tế: Tốc độ GDP bình quân hàng năm 6,7%, trong đó nông nghiệp tăng 5,82%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng 8,08%, dịch vụ tăng 8,12%.

Diện tích vụ Đông đến năm 2000 tăng 1,7% lần so với năm 1995. Cơ cấu lúa lai, ngô lai ngày càng tăng lên, diện tích lúa lai vụ xuân năm 2000 đạt 45,2%, vụ mùa đạt 35,8%, ngô lai đạt 80%. Năng suất lúa 2000 đạt trên 10 tấn/ha, tăng 1,5 tấn/ha; năng suất ngô tăng 1,1 tấn.

Tổng sản lượng lương thực năm 2000 đạt 115.000 tấn, bình quân lương thực đầu người 684kg (vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1996 - 2000). Toàn huyện trồng mới 462ha cây tập trung, 60ha cây ăn quả, bình quân hàng năm đàn trâu bò tăng 2,6%, đàn lợn 4,4%, đàn gia cầm 10%.

Đến năm 2000 có 16/29 xã, thị trấn thành lập HTX dịch vụ nông nghiệp. Quỹ tín dụng nhân dân xã Định Tường thành lập cuối năm 1995, vốn điều lệ 143 triệu đồng, đến tháng 10/2000 có 1.000 thành viên tham gia với nguồn vốn là 4 tỷ 200 triệu đồng, số dư nợ cho vay 3 tỷ 900 triệu đồng.

Toàn huyện có 117 trang trại vừa và nhỏ, tổng diện tích 348 ha, đã khai thác có hiệu quả diện tích ao hồ, đất hoang hoá, đồi bãi, giải quyết việc làm cho 500 lao động.

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 250 tỷ 600 triệu đồng, bình quân hàng năm tăng 12%, trong đó nguồn huy động tại địa bàn chiếm 76%, vốn tỉnh và Trung ương 24%. Đã rải nhựa các tuyến đường Kiều - Quý Lộc - Yên Lâm, Kiều - Yên Tâm, Quán Lào - Định Tăng, Định Bình - Định Công; cấp phối các tuyến đường giao thông nông thôn. Kiên cố hoá 144km/350km kênh mương chính, cơ sở vật chất văn hoá - xã hội được đầu tư xây dựng khá đồng đều. Đến nay đã có 29/29 xã, thị trấn đã xây dựng trường học cao tầng.

Về ngân sách cấp xã: Năm sau thu cao hơn năm trước (năm 1999 tổng thu 21 tỷ 420 triệu đồng). Ngân sách huyện năm sau thu cao hơn năm trước (năm 1999 đạt 8 tỷ 877 triệu đồng), bình quân mỗi năm vượt kế hoạch tỉnh giao 10%.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.564.000 đồng/năm. Số hộ giàu và khá tăng lên, số hộ đói nghèo giảm từ 24,8% (năm 1996) xuống 10% (năm 2000). Số hộ có nhà kiên cố và bán kiên cố là 81%. Đến năm 2000 đã thực hiện được 158 dự án nhỏ tạo việc làm cho 2.249 lao động.

Văn hoá xã hội:

Về giáo dục - đào tạo: Toàn huyện phấn đấu đạt 99% các cháu đến độ tuổi (6 tuổi) vào lớp. Năm 2000 huyện Yên Định được công

nhận là đơn vị hoàn thành phổ cập tiểu học, 40% số xã phổ cập phổ thông cơ sở, 30% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Ngành học bổ túc văn hoá tăng 3,2 lần về số lượng, chất lượng được nâng lên. Đã khắc phục tình trạng thiếu trường lớp, thiếu giáo viên tiểu học và phổ thông trung học.

Về y tế: Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả tốt, hạ tỷ lệ tăng dân số từ 1,7% năm 1995 xuống 1% năm 2000, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 42% xuống 27%.

Về văn hoá thông tin: Hệ thống truyền thanh huyện, xã được nâng cấp và xây dựng mới. Số hộ có máy thu hình đạt 52%, có máy thu thanh là 42%. Đã khai trương 23 làng văn hoá, 55% số hộ (gồm 17.000 hộ) đạt tiêu chuẩn “gia đình văn hoá”.

Ngành Bưu điện đầu tư nâng cấp trang bị kỹ thuật số, mở rộng hệ thống thuê bao điện thoại lên 670 máy (năm 2000 tăng 3,3 lần) so với năm 1996). Xây dựng 21/26 bưu điện - văn hoá xã góp phần nâng cao đời sống tinh thần nhân dân trong huyện.

Thành tựu kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện nhà tạo ra những điều kiện phát triển vững chắc trong tương lai.

ĐẢNG BỘ HUYỆN NHƯ THANH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG HUYỆN MỚI

Huyện Như Thanh được thành lập theo Nghị định 72/CP, ngày 18-11-1996 của Chính phủ (trên cơ sở tách 16 xã của huyện Như Xuân cũ).

Ngày 16-12-1996, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định số 129-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Như Thanh (thuộc Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá).

Sau khi có quyết định thành lập, Đảng bộ huyện Như Thanh đã nhanh chóng ổn định tổ chức, tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

Ngày 16-10-1997, Đảng bộ huyện tiến hành Đại hội lần thứ nhất: Xác định phương hướng nhiệm vụ, bầu 33 đồng chí vào Ban Chấp hành.

Nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, Huyện uỷ chủ trương:

Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Phấn đấu đạt sản lượng lương thực 1997 = 22.000 tấn, năm 2000 đạt 28.000 tấn dựa trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, chuyển dịch cơ cấu giống, mùa vụ, du nhập các loại giống mới có năng suất cao chống sâu bệnh, thích hợp với các vùng sinh thái, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật nâng cao trình độ thâm canh, đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiêu, mở rộng diện tích vụ Đông thành vụ sản xuất chính. Bám sát lịch thời vụ, làm tốt công tác khuyến nông.

Phát triển mô hình kinh tế nông - lâm kết hợp, thực hiện tốt chương trình 327, phát triển mô hình kinh tế trang trại, vườn rừng, trại rừng. Phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm.

Thực hiện Nghị quyết 09 của Tỉnh uỷ về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, cần khuyến khích sự ra đời các hình thức kinh tế hợp tác hoạt động theo Luật HTX. Chú trọng các hình thức dịch vụ trong nông nghiệp, giải quyết thoả đáng chính sách đất đai, đảm bảo cho hộ nông dân thực sự là đơn vị kinh tế tự chủ. Khuyến khích các ngành nghề mới phát triển, đặc biệt là các ngành nghề đang được thị trường ưa chuộng. Khai thác nguồn nguyên liệu địa phương, thu hút lao động tại chỗ tạo ra hàng hoá xuất khẩu, tạo ra cơ cấu kinh tế nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp hợp lý trong nông thôn.

Thực hiện công bằng trong hưởng thụ văn hoá, giáo dục, y tế, kết hợp xoá đói giảm nghèo với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài. Xây dựng đời sống văn hoá nông thôn lành mạnh khơi dậy bản sắc văn hoá dân tộc. Đảm bảo an ninh trật tự thôn xóm, nâng cao giáo dục pháp luật ở nông thôn. Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân ở mỗi làng, xã.

Đảng bộ đoàn kết nhất trí, chống tham nhũng, thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng viên, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác kiểm tra của Đảng. Không ngừng nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính, kiện toàn các đoàn thể nhân dân cấp huyện.

Bằng những chủ trương, giải pháp đúng đắn, bằng sự phấn đấu nỗ lực, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Như Thanh trong những năm 1998 - 2000 được Chính phủ tặng cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua”, năm 2001 được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG LÁT

Thực hiện Nghị định 72-CP của Chính phủ ngày 18-11-1996 về việc chia tách huyện Quan Hoá và thi hành Quyết định của Tỉnh uỷ - UBND tỉnh Thanh Hoá. Huyện uỷ - UBND huyện Mường Lát được chính thức thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01-01-1997. Sau đây là một số tư liệu về Đảng bộ huyện Mường Lát.

Ngày 18, 19/11/1997, Đảng bộ huyện Mường Lát tiến hành Đại hội lần thứ nhất, tổng số đảng viên 407 đồng chí, sinh hoạt trong 10 Đảng bộ và 5 chi bộ trực thuộc, 60 chi bộ cơ sở. Năm 1997, Đảng bộ huyện kết nạp 30 đảng viên mới.

Năm 1998, tổng số đảng viên nâng lên 494 đồng chí, sinh hoạt trong 11 đảng bộ trực thuộc, kết nạp mới 69 đảng viên.

Năm 1999, Ban Chấp hành Đảng bộ ra Quyết định thành lập Chi bộ xã Mường Lý vào ngày 19-8, tổng số đảng viên nâng lên 575 đồng chí, tổng số chi bộ trực thuộc là 6 chi bộ, kết nạp mới 92 đảng viên.

Năm 2000, tổng số đảng viên 616 đồng chí, số Đảng bộ trực thuộc là 11, chi bộ trực thuộc là 6, chi bộ dưới đảng bộ là 68.

ĐẢNG BỘ NHÀ MÁY THUỐC LÁ THANH HÓA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH

Đảng bộ Nhà máy Thuốc lá Thanh Hoá là Đảng bộ cơ sở trực thuộc tỉnh. Đảng bộ có 230 đảng viên được tổ chức sinh hoạt trong 14 chi bộ cơ sở. Tiến trình tồn tại, phát triển của Nhà máy, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ là nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thành bại.

Trong những năm 1996 - 2000, quy luật cạnh tranh trên thị trường thuốc lá diễn ra quyết liệt: Đảng bộ nhà máy, đứng đầu là Đảng ủy đã kịp thời thực thi những giải pháp sắc bén chớp thời cơ vận hội, đẩy lùi khó khăn thách thức đem lại những thành quả mới cho sản xuất kinh doanh.

Một là, tiến hành cải tạo nâng cấp thiết bị hiện có làm tăng sản lượng và chất lượng thuốc lá.

Hai là, phát huy nguồn lực trí tuệ, học tập ứng dụng công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Ba là, sắp xếp hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ và lực lượng lao động hợp lý, phát huy sáng kiến, nâng cao năng suất hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Bốn là, đã tiến hành xây dựng và thực thi dự án sản xuất thuốc lá cao cấp liên doanh với Nhật Bản.

Năm là, phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và các tổ chức Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ tạo ra sức mạnh nội lực đưa Nhà máy tiến lên.

Bằng các giải pháp nói trên, sức cạnh tranh của Nhà máy được tăng cường, doanh thu của Nhà máy ổn định và phát triển, điều đó được minh chứng bằng số liệu: Năm 1996 doanh thu của nhà máy đạt 197,20 tỷ đồng, năm 1997 đạt 200,70 tỷ đồng, năm 1998, đạt 200,68 tỷ đồng, năm 1999 đạt 199,23 tỷ đồng, năm 2000 đạt 213 tỷ đồng.

Sản xuất kinh doanh phát triển, đời sống vật chất và văn hoá của Nhà máy từng bước nâng lên (năm 2000 mức lương bình quân hàng tháng của công nhân đạt 998.000 đồng). Nhà máy có điều kiện tích lũy tái sản xuất mở rộng và thực hiện tốt các chính sách xã hội. Đảng bộ Nhà máy nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

ĐẢNG BỘ LANG CHÁNH CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA LÂM NGHIỆP

Huyện Lang Chánh có tổng diện tích đất rừng là 36.377ha. Rừng tự nhiên chiếm 29.395ha. Trong những năm 80 rừng ở Lang Chánh bị tàn phá nặng nề. Trước tình hình đó Đảng bộ huyện Lang Chánh đã có những biện pháp cụ thể hoá chính sách của Đảng và Nhà nước triển khai trồng rừng và bảo vệ rừng:

Năm 1991, triển khai Luật bảo vệ rừng. Năm 1992, thực hiện Chương trình 327. Năm 1993, thực hiện Nghị định 13 về thành lập hệ thống khuyến nông, khuyến lâm. Năm 1994, thực hiện Nghị định 02-CP về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức và cá nhân.

Huyện chủ trương tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xây dựng lực lượng kiểm lâm trong sạch, xây dựng các dự án phát triển lâm nghiệp, chuyển giao khoa học, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển lâm nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng chế biến nông - lâm sản...

Đến cuối năm 1997 huyện đã cơ bản hoàn thành kế hoạch giao đất lâm nghiệp (theo Nghị định 02/CP) với tổng diện tích đất giao là 51.678,3ha, trong đó 4.437 hộ nông dân nhận 25.022,44ha, doanh nghiệp Nhà nước nhận 17.590,18ha, các thành phần kinh tế khác nhận 9.065,7ha. Tập trung quản lý bảo vệ khoanh nuôi 14.716ha. Ngoài ra hàng năm còn trồng 200 - 250ha rừng, 250 - 300 ngàn cây phân tán.

Từ kết quả giao đất lâm nghiệp đến hộ gia đình và các hội thành viên, kết hợp biện pháp hạn chế khai thác, hạn chế phát nương làm rẫy. Nhiều cánh rừng đã được phục hồi và phát triển, nâng độ che tán rừng lên 55% (năm 2000).

Việc thực hiện dự án phát triển lâm nghiệp đạt kết quả: Trồng rừng tập trung 2.582ha, khoanh nuôi bảo vệ có đầu tư của Nhà nước 14.012,2ha, dân tự bảo vệ 15.382,8ha.

Hàng năm huyện Lang Chánh tiến hành khai thác 450m³ gỗ, 1 triệu cây luồng, 200 - 3.000 tấn nứa, 60 - 70 ngàn xe củi. Ngoài ra còn cung cấp nhiều loại lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

Công tác giao đất giao rừng đã giải quyết công ăn việc làm cho 8.320 hộ với 42.759 khẩu, 16.394 lao động, góp phần xoá hộ đói, giảm hộ nghèo, nâng cao mức thu nhập và đời sống cho nhân dân, đảm bảo an ninh môi trường, giảm nhẹ thiên tai.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO NUÔI TRỒNG HẢI SẢN MẶN, LỢ TRONG NHỮNG NĂM 1997 - 2000

Thực hiện chương trình nuôi trồng hải sản nước mặn, lợ mà Đại hội Đảng bộ đề ra, Tỉnh uỷ chỉ đạo ngành Thủy sản Thanh Hoá thực hiện các giải pháp khả thi mở rộng diện tích, nâng cao năng suất và sản lượng nuôi trồng hải sản mặn, lợ.

Chuyển đổi phương thức nuôi trồng theo kiểu tự nhiên sang phương thức đầu tư thâm canh nâng cao năng suất và hiệu quả. Ngành Hải sản đã chỉ đạo chuyển giao phương pháp và công nghệ chăm sóc nuôi dưỡng phòng bệnh của từng loại hải sản đến từng hộ gia đình. Tiến hành củng cố mở rộng và đầu tư công nghệ mới cho Trạm nghiên cứu hải đặc sản Hoàng Yến (Hoàng Hoá), Xí nghiệp nuôi trồng tôm sú Sầm Sơn, Công ty nuôi trồng thủy sản Hải Bình (Tĩnh Gia), nhập khẩu công nghệ sản xuất tôm sú giống của Thái Lan, chuyển giao kỹ thuật nuôi nhuyễn thể (ngao, sò) cho các địa phương vùng triều, nuôi cua con thành cua thương phẩm, trồng rau câu theo phương pháp công nghiệp, tổ chức vận chuyển cung ứng tôm sú giống từ các tỉnh phía Nam về Thanh Hoá cung cấp cho các đơn vị và hộ gia đình nuôi trồng hải sản... Nhờ đó đến năm 2000 diện tích nuôi trồng hải sản mặn, lợ lên tới 9.000ha (gấp hai lần năm 1997), tổng sản lượng đạt 7.000 tấn hải sản xuất khẩu.

Hiện nay Ngành đang đề nghị Nhà nước đầu tư cho vay vốn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nuôi trồng hải sản mặn, lợ cho từng cơ sở sản xuất.

THỌ XUÂN MỞ LỚP BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Trong những năm (1993 - 1997), Huyện uỷ Thọ Xuân đã chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao nhận thức lý luận cho cán bộ, đảng viên.

Đến đầu năm 1997, huyện đã cơ bản hoàn thành chương trình giáo dục lý luận chính trị phổ thông cho hơn 8.000 đảng viên trong Đảng bộ. Trong quý II và quý III năm 1997 đã mở được 15 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho gần 1.500 cấp uỷ viên và Ủy viên UBKT cơ sở. Các lớp bồi dưỡng cấp uỷ viên đã giúp cho đội ngũ chi uỷ viên và Ủy viên UBKT nhận thức sâu sắc về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đảng; chức năng nhiệm vụ của Chủ nhiệm UBKT cơ sở, Bí thư chi bộ...

Trong quý II và quý III năm 1997, Thọ Xuân còn mở được hai lớp bồi dưỡng chương trình lý luận phổ thông cho trên 3.000 đảng viên mới. Bồi dưỡng cho gần 500 đảng viên và cán bộ ngành Giáo dục chương trình ba chuyên đề về kinh tế thị trường; Nhà nước và pháp luật, văn hoá trong cơ chế thị trường.

Đến hết năm 1997, Đảng bộ Thọ Xuân phấn đấu thực hiện xong chương trình bồi dưỡng cấp uỷ viên cơ sở cho 4 lớp còn lại. Bồi dưỡng chương trình ba chuyên đề cho 5 lớp cán bộ, đảng viên và mở lớp lý luận chính trị phổ thông cho số đảng viên mới kết nạp.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG

Để đảm bảo tính bền vững, khắc phục sạt lở kênh mương, tiết kiệm công sức, tiền, tiết kiệm nước, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã giao ngành Thủy lợi tiến hành thử nghiệm kiên cố hoá kênh mương đồng ruộng (Chỉ thị 16-NN/UBTH ngày 04-9-1996), đồng thời xây dựng kế hoạch kiên cố hoá kênh mương trong 5 năm.

Việc thử nghiệm kiên cố hoá kênh mương đạt kết quả tốt, Tỉnh uỷ quyết định mở rộng kiên cố hoá kênh mương trên địa bàn toàn tỉnh. Những năm đầu tiến hành kiên cố hoá kênh mương vùng sông Chu,

Tỉnh uỷ chủ trương kiên cố hoá hệ thống kênh mương liên xã, liên huyện được Nhà nước đầu tư vốn và tổ chức thi công, kênh mương nội đồng do địa phương huy động vốn từ diện tích hưởng lợi của nông dân đóng góp và một phần hỗ trợ của cơ quan thuỷ nông. Việc đóng góp được thực hiện dân chủ công khai, việc sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả.

Cuối năm 1997, xây dựng được 312.241km kênh mương với khối lượng xây lát 452.300m³, tổng chi phí 134,248 tỷ đồng ở các huyện, thị: Đông Sơn, Thọ Xuân, Thiệu Hoá, Vĩnh Lộc, Yên Định, Hậu Lộc, Quảng Xương, Nông Cống, Tĩnh Gia, Triệu Sơn, Hà Trung, Bỉm Sơn, Nga Sơn, thành phố Thanh Hóa... Huyện Đông Sơn đã làm 92 kênh dài 48km. Xã Thiệu Đô (huyện Thiệu Hoá) đã kiên cố kênh mương hoàn chỉnh với chiều dài 10km với kinh phí 730 triệu đồng, lắp đặt thêm đồng hồ đo bán nước theo hướng dẫn của Công ty Thủy nông sông Chu.

Kết hợp với việc huy động công sức, tiền của dân, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ cho mỗi km kênh mương 40 triệu đồng/km cho các xã vùng đồng bằng và 50 triệu đồng/km cho các huyện miền núi để tiến hành kiên cố hoá kênh mương, đồng thời chỉ đạo ngân hàng cho vay vốn, Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn bán trả góp hàng năm.

Đến năm 2000, toàn tỉnh đã kiên cố hoá 565km kênh mương liên huyện, xã và 2.441km kênh mương nội đồng với tổng chi phí trên 610 tỷ đồng.

Năm 2000, Ngành Nông nghiệp Thanh Hoá được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng lá cờ đầu về kiên cố hoá kênh mương.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO QUY HOẠCH, PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2000

Năm 1997, huyện Quan Hoá chia thành 3 huyện, do vậy huyện Quan Sơn, Mường Lát chưa có điện. Tỉnh uỷ chỉ đạo Ngành Điện phấn đấu đến năm 2000 tất cả 27 huyện, thị, thành phố trong tỉnh phải có

điện lưới quốc gia, hầu hết các xã trong tỉnh được cấp điện (trừ 20 xã vùng sâu, vùng xa điều kiện xây dựng đường dây khó khăn) và cung cấp đầy đủ nhu cầu về điện cho khu công nghiệp Nghi Sơn (Tĩnh Gia) qua trạm biến thế 220KV. Sau đó lần lượt xây thêm các trạm biến thế 110 KV phục vụ xi măng Nghi Sơn, Thiệu Yên, Thành phố Thanh Hoá, Nông Cống. Như vậy là toàn tỉnh sẽ có 8 trạm biến áp 110KV, xây dựng 60km đường dây 220KV, 71km đường dây 110KV, 1.142km đường dây và 834 trạm biến áp 35KV, 531km đường và 443 trạm biến thế 22KV, nâng cấp 299km đường dây và 44 trạm biến áp từ 10KV lên 22KV với tổng số vốn đầu tư 942 tỷ đồng...

ĐẢNG ỦY, GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I CHỈ ĐẠO ĐƠN VỊ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH

Công ty Công trình giao thông I Thanh Hoá là đơn vị có nhiều thành tích trong chống Mỹ cứu nước được Chính phủ tặng 3 Huân chương Chiến công.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng uỷ, Giám đốc đề ra giải pháp chỉ đạo Công ty lao động sáng tạo đẩy lùi khó khăn thách thức giải quyết việc làm, từng bước nâng cao doanh số, nộp ngân sách Nhà nước vượt chỉ tiêu, cải thiện đời sống cho 300 cán bộ công nhân, tạo nguồn tích lũy đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị...

Từ năm 1996 đến năm 2000, công ty đạt doanh thu bình quân hàng năm trên 13 tỷ đồng Việt Nam, mỗi năm đầu tư trên 1 tỷ đồng đổi mới công nghệ thiết bị. Năm 2000 doanh thu đạt 20,3 tỷ đồng, đầu tư 2 tỷ mua sắm máy móc... Công ty đã thực hiện 2 dự án để có được trạm trộn bê tông nóng trị giá hơn 1 tỷ đồng, cùng với hàng chục máy lu, máy ủi, ô tô vận tải và nhiều công cụ hiện đại khác... nhờ đầu tư chiều sâu Công ty có đủ năng lực trúng thầu và thi công nhiều công trình lớn đảm bảo chất lượng, tiến bộ...

Công ty đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.

ĐẢNG ỦY, GIÁM ĐỐC CÔNG TY THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI ĐỀ RA GIẢI PHÁP PHẤN ĐẤU GIỮ VỮNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO THỊ TRƯỜNG KHU VỰC MIỀN NÚI

Để giữ vững vai trò chủ đạo trên thị trường miền núi Thanh Hoá, Ban Giám đốc và Đảng uỷ Công ty Thương mại và Đầu tư phát triển miền núi đã lãnh đạo Công ty thực thi những giải pháp:

Một là, sắp xếp bộ máy, tổ chức lực lượng hợp lý.

Tại Văn phòng Công ty: Từ 6 phòng chức năng đã sắp xếp thành 4 phòng (Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch chính sách, Phòng Nghiệp vụ kinh doanh, Phòng Kế toán tài chính).

Riêng Phòng Kế hoạch chính sách có chức năng cung cấp các mặt hàng chính sách và kinh doanh hàng nội địa do một đồng chí Phó Giám đốc công ty phụ trách.

Tại các huyện: Tổ chức hệ thống mua bán từ trung tâm huyện đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bao gồm 11 cửa hàng, 57 tổ, 92 điểm, 157 quầy hàng và 26 đại lý tư nhân. Để khai thác thế mạnh miền núi, Công ty đã xây dựng 1 xưởng sản xuất các mặt hàng lâm sản, thu hút hàng trăm lao động, hiện nay đang sản xuất dứa tre xuất khẩu.

Hai là, mở rộng dân chủ, tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần năng động sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty phù hợp với cơ chế mới.

Hàng năm, lãnh đạo Công ty, các phòng và các cửa hàng đều phải xây dựng kế hoạch kinh doanh riêng. Sau đó đấu mối và loại bỏ các yếu tố bất hợp lý hình thành kế hoạch chung cho toàn Công ty và từng đơn vị.

Ba là, căn cứ vào đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, lãnh đạo Công ty đã xây dựng quy chế hoạt động trong đơn vị: Bao gồm 27 quy định cụ thể phù hợp với yêu cầu tổ chức, quản lý, kinh

doanh ở khu vực miền núi. Trong công tác quản lý tài chính Công ty quy định: Vào đầu quý và cuối quý các phòng kế toán tài chính cùng với Ban kiểm tra công nhân về các cửa hàng thanh quyết toán và đơn đốc đơn vị thực hiện kế hoạch.

Nhờ đó, năm 1996 doanh số toàn Công ty chỉ đạt 36 tỷ đến năm 1998 tăng lên 39 tỷ, năm 2000 tăng lên 54 tỷ. Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng tăng từ 350 ngàn đồng lên 550 ngàn đồng.

Hoạt động của công ty đã góp phần nâng cao từng bước đời sống - kinh tế - văn hoá xã hội khu vực miền núi Thanh Hoá.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

Năm 1979, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá đảm nhận chức năng báo nói và báo hình. Tỉnh uỷ chỉ đạo UBND tỉnh đầu tư cho đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh mua sắm máy móc phương tiện phát triển mở rộng.

Năm 1985, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá đã mua và lắp đặt máy phát hình đen trắng công suất 100W, chuyển tiếp chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam qua sóng Vi ba. Năm 1990, Đài lại lắp đặt được máy phát hình màu Thom Sơn có công suất 1.000W và hệ thống thu tín hiệu vệ tinh địa tĩnh. Do đó, Đài đã toả sóng truyền hình rộng khắp vùng đồng bằng, một phần vùng trung du. Đúng 19 giờ ngày 19-5-1990 chương trình truyền hình màu đầu tiên của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá được toả sóng trên bán kính 60km. Nhân dân nhiều nơi trong tỉnh đã thu và xem được chương trình truyền hình Việt Nam và của tỉnh. Đi đôi với việc tìm mua và lắp đặt máy thu, phát có công suất lớn, chất lượng tốt, hiện đại, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá xây dựng nhà kỹ thuật trung tâm 4 tầng tại Đại lộ Lê Lợi (năm 1997), xây dựng Trung tâm phát sóng trên Đồi Quyết Thắng (núi Hàm Rồng) có tháp ăng ten cao 115m, mua thêm máy phát hình màu công suất 5.000W và máy phát sóng FM công suất 10.000W;